



Ca Nhạc Phòng

Giới nho sĩ Việt Nam khi xưa, tuy rất gần gũi với nông dân nhưng ở mỗi vùng đều có riêng một loại nhạc cho giới mình, bắt nguồn từ dân ca, dân nhạc. Vì loại ca nhạc này không còn là nhạc ở ngoài đồng ruộng hay giữa sân làng mà thường sinh hoạt ở trong phòng (hay trong nhà hát) cho nên ta nên gọi nó là **ca nhạc phòng** (music for entertainment, chamber music). Ở Bắc Việt có **Hát Ả Đào**, ở Trung Việt có **Ca Huế** và ở Nam Việt có **Nhạc Tài Tử**. Các loại ca nhạc phòng này đều giống như **Hát Quan Họ**, có trình độ nghệ thuật rất cao, cao hơn các loại dân ca, dân nhạc bình thường. Hơn nữa, vì đã trở thành nghề hát với những ca sĩ, nhạc công chuyên nghiệp cho nên càng ngày **Hát Ả Đào**, **Ca Huế** và **Nhạc Tài Tử** càng phát triển. Cho tới khi nước Việt lâm vào cảnh bị Pháp xâm chiếm và cai trị thì cả ba bắt đầu suy vi. Rồi tới khi người Việt được tiếp xúc với văn hóa Âu Tây và giới trẻ đòi hỏi những món ăn âm nhạc mới thì các hình thức ca nhạc phòng này bị gần như bỏ rơi, trước khi sẽ được phục hồi bằng cách này hay cách khác.

Hát Ả Đào (Ca Trù)

Khởi sự là loại **hát thờ**, **hát khao**, **hát đám** ra đời từ thế kỷ XV và dưới quyền chỉ huy của các ông trùm trong nghề hát, **Hát Ả Đào** được thuê diễn trong những cuộc lễ thần (hát cửa đình), hay tiệc nhà quan (hát cửa quyền). Vào lúc thịnh hành nhất, **Hát Ả Đào** gồm đủ mọi hình thức ca nhạc và ca vũ :

* **Ca Nhạc** có tính chất lễ giáo với những bài như **Giáo Trống**, **Giáo Hương**, **Dâng Hương**, **Thiết Nhạc**...

* **Ca Vũ** dùng trong buổi lễ và giúp vui thì có **Múa Bỏ Bộ**, **Múa Bài Bông**, **Múa Tứ Linh**... Cùng có luôn cả những **trò xiếc** như đội mâm mà múa hay đi trên dây.

Rồi về sau, khi bị các hình thức sân khấu điêu luyện hơn là **Tuồng**, **Chèo** thay thế thì vào cuối thế kỷ XIX, **Hát Ả Đào** thoát ra khỏi trò vui trong các đám lễ hay khao vọng, trở thành thú chơi tao nhã của nho sĩ. Các thi nhân thường gặp nhau ở nhà hát ả đào để nhờ đào nương ngâm lên (hát lên) những bài thơ mà thi nhân vừa soạn ra để tặng nhau. Đào nương miệng hát, tay đánh phách với tiếng đệm của chiếc đàn đáy. Quan viên nghe hát và khen hay chê qua những tiếng trống để... Tất cả mọi việc sáng tác, biểu diễn và thưởng ngoạn như vậy cho ta thấy **Hát Ả Đào** là một nghệ thuật rất công phu.



Hát Ả Đào, tài liệu của Phạm Duy (chụp năm 1952)

Dường như tất cả thi nhân thời Nguyễn đều dùng **Hát Ả Đào** để nói lên tâm trạng của mình qua một số điệu hát như **Hát Nói**, **Gửi Thư**, **Ngâm Vọng**, **Thét Nhạc** (do cái tên của điệu cổ xưa **Thiết Nhạc** mà ra), **Bắc Phấn** v.v... **Hát Ả Đào** hiện nay đang được phục hồi và được gọi là **Ca Trù**.

Ca Huế

Nếu người bình dân ở miền Trung có khá nhiều các điệu dân ca như **Hò Mái Nhì**, **Hò Mái Đầy**, **Hò Thai**, **Hò Giã Gạo**... để hát thì, ngoài loại **Nhạc Triều** có tính chất nhạc lễ nghi của vua chúa, giới quyền quý ở chốn kinh đô nhà Nguyễn có **Ca Huế** là thú chơi tao nhã của các hoàng thân và quan chức trong triều.



từ trái qua phải :

Ứng Dung, Tôn Thất Văn, Ứng Biều, Ngô Phò, Trần Quang Soạn, Hoàng Yến

Mang tính chất ca nhạc phòng (chamber music), dưới thời Tự Đức (1847-1883) **Ca Huế** có ít nhất là 25 bản đờn trong số đó có 10 bản có lời ca (9 bằng chữ Hán, 1 bằng chữ Nôm). Đó là những bản : **Lưu Thủy**, **Hồ Quang**, **Kim Tiên** (Tiên = không có dấu huyền), **Xuân Phong**, **Xuân Tình**, **Điếu Ngũ**, **Nam Xuân**, **Tứ Mã Tương Như**, **Tiên Nữ Tống Lưu Nguyễn**, **Bả Nha Khấp Tứ Kỳ**, **Tự Trào**, **Tự Thán**, **Trường Thán**... Cùng như **Hát Ả Đào** ở miền Bắc, **Ca Huế** có trình độ nghệ thuật rất cao vì đã có nhiều bản tay

nghệ sĩ góp công xây dựng mà trong thế kỷ trước ta biết đích danh là ai, chẳng hạn Vua Tự Đức, Tuy Lý Vương, Ông Cả Soạn, Nguyễn Quang Tồn v.v...



Hai ông Bửu Lộc và Vĩnh Trân, thuộc hoàng phái danh cầm về mọi thứ đàn tỳ bà, đàn tranh, đàn nguyệt...

Ca Huế vào đầu thế kỷ 20 còn giữ lại một số bài cổ như **Lưu Thủy**, **Kim Tiền** (Tiền = với dấu huyền), **Nam Xuân**... và có thêm một số điệu khác như **Nam Ai**, **Nam Bình**, **Bình Bán**, **Cổ Bản**, **Tứ Đại Cảnh** v.v...

Danh cầm thường là người trong hoàng tộc như Vĩnh Trân (con vua Thành Thái), Vĩnh Phan và Bửu Lộc... Những bài ca Huế thường do các bậc văn nhân nổi tiếng soạn như Ông Hoàng Nam Sách, Thúc Giã Thị Ứng Bình... Cụ Phan Bội Châu cũng là tác giả của nhiều bài ca Huế có giá trị...



Thúc Giã Thị Ứng Bình, người soạn nhiều lời ca cho CA HUẾ
Cô Nhon, ngôi sao chói lọi của Ca Huế hồi 1934

Nhạc Tài Tử Miền Nam

Ca nhạc phòng Huế phát triển về phía Nam và ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, vì những bài như **Lưu Thủy**, **Phú Lục** ở Thừa Thiên bây giờ mang thêm hơi điệu mới cho nên được gọi là **Lưu Thủy Quảng**, **Phú Lục Quảng**.



Vào tới miền Tiền Giang, Hậu Giang Nam Việt, ca nhạc phòng với bài bản của Ca Huế nay mang tên **Nhạc Tài Tử Miền Nam**, với ít nhiều thay đổi như **Bình Bán** miền ngoài nay thành ra **Bình Bán Chấn**(tức là chấn hưng) và được bổ sung bằng những bài bản mới như **Tứ Đại Oán, Bình Xa Lạc Nhạn, Thanh Dạ Đề Quyền**...

Trong những bài bản mới của Nhạc Tài Tử Miền Nam có bài [**Đa Cổ Hoài Lang**](#) soạn ra năm 1917 bởi ông Sáu Lầu, nhờ ở sự thành lập và phát triển của sân khấu **Cải Lương Nam Kỳ** mà trở thành bài **Vọng Cổ**